

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**THỊ XÃ B**  
**TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:21/2021/HS- ST  
Ngày 17- 5- 2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tổng Thị Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Đình Hồng

Bà Đặng Thị Thỏa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường, bà Trần Thị Hương Thảo - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:10/2021/TLST- HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2021/QĐXXST-HS ngày 31/3/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/HSST-QĐ ngày 13/4/2021 và số: 05/2021/HSST-QĐ ngày 05/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Thị L1**; Sinh ngày: 19/5/1986; Nơi sinh: Xã Q, thị xã B, tỉnh T; Nơi ĐKKHKT: Khu phố 3, phường B, thị xã B; Nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã Q, thị xã B, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Bá N; Con bà: Hoàng Thị T(Đã chết); Chồng: Tạ Văn K(Đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án; Tiền sự: Không.Nhân thân: Ngày 02/7/2014 bị Công an thị xã B xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số đề. Ngày 15/02/2017 bị Công an phường B, thị xã B xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) về hành vi bán số lô, số đề trái phép. Nguyễn Thị L bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2020 đến ngày 09/9/2020 (tổng 25 ngày), sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn “*Bảo lĩnh*” ( có mặt).

2. Họ tên: **Vũ Thị L2**; Sinh ngày: 14/6/1968; Nơi sinh: Huyện Vụ Bản, tỉnh N; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, phường B, thị xã B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Hữu P(Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị N; Chồng: Võ Đại L; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/02/2018 bị Công an phường B, thị xã B xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) về hành vi bán số lô, số đề trái phép. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” ( có mặt)

3. Họ tên: **Lê Thị Y**; Sinh ngày: 20/5/1972; Nơi sinh: Xã Hoằng Quý, huyện H, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đình Ng (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị É(Đã chết); Chồng: Lương Văn L(Đã ly hôn); Bị cáo có 01 người con sinh năm 1991; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/4/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh T tuyên phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” ( có mặt)

4. Họ tên: **Trần Thị T**- Sinh ngày: 26/10/1989; Nơi sinh: Huyện Hà Trung, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, phường P, thị xã B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn S(Đã chết); Con bà: Vũ Thị T; Chồng: Phạm Xuân T; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án; Tiền sự: Không; Trần Thị T bị tạm giữ 09 ngày, từ ngày 16/8/2020 đến ngày 25/8/2020. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” ( có mặt)

5. Họ tên: **Nguyễn Tuấn A**- Sinh ngày: 03/03/1997; Nơi sinh: Xã Quang Trung, thị xã B, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 4, phường B, thị xã B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C; Con bà: Dương Thị T; Vợ: Nguyễn Thị Q; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 10/01/2020, Nguyễn Tuấn A bị Công an phường B, thị xã B xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) về hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” ( có mặt)

6. Họ tên: **Lê Thị T**- Sinh ngày: 25/10/1993; Nơi sinh: Huyện T, Tỉnh T; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 6, phường B, thị xã B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Quang T; Con bà: Hồ Thị Đ; Chồng: Mai Văn L; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”( có mặt)

7. Họ tên: **Văn Đình C**- Sinh ngày: 04/9/2003; Nơi sinh: Thị xã B, tỉnh T; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, phường B, thị xã B; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Văn Bình H; Con bà: Hoàng Thị L; Vợ, con: Chưa; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” ( có mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị cáo C:

Bà Hoàng Thị L( mẹ đẻ bị cáo C) - sinh năm 1975

Trú quán: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh T (Có mặt).

**\* Người làm chứng:**

1/ Mai Quang M - sinh ngày 04/02/2005 1982

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thị xã B, T (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của người làm chứng Mai Quang Minh:

Ông Mai Hùng M( bố đẻ M) - sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt).

2/ Nguyễn Phúc H - sinh ngày 21/4/2001

Địa chỉ: Khu phố 8, phường B, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt).

3/ Vũ Trường G- sinh ngày 22/12/2003

Trú quán: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của người làm chứng Vũ Trường G

Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1971( mẹ đẻ của G)

Trú quán : Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh T(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11<sup>h00</sup>” ngày 16/8/2020, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã tiếp nhận người phạm tội ra tự thú là Văn Đình C. Văn Đình C khai báo vào ngày 07/8/2020, Cường có nhờ Mai Quang M mua hộ 600 điểm lô số 66 (tương ứng với số tiền 13.800.000<sup>d</sup>) của Trần Thị T. Tuy nhiên, kết quả không trúng nên hiện nay C đang nợ T số tiền 13.800.000<sup>d</sup> (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Sau đó, hồi 12<sup>h30</sup>” cùng ngày, Mai Quang M cũng đã đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã B để đầu thú vào khai báo toàn bộ hành vi mua số lô đề của mình. Cụ thể, ngày 07/8/2020, M đã tự mình mua các số lô 37, 73, 23, 32 mỗi số 10 điểm; mua giúp cho Văn Đình C 600 điểm lô số 66 và Nguyễn Phúc H, 20 điểm lô số 78. Tổng là 660 điểm lô tương ứng với số tiền là 15.180.000<sup>d</sup> (mười lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) mua của đối tượng Trần Thị T nêu trên.

Đến 14<sup>h00</sup>” cùng ngày, một đối tượng khác là Vũ Trường G, sinh ngày 22/12/2003, trú tại khu phố 5, phường B, thị xã B cũng đã đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã B để đầu thú. Giang khai báo, ngày 08/8/2020, G đã mua của Trần Thị T 02 số đề, 01 xiên 3, 01 xiên 4, 07 số ba càng, 04 số lô với tổng số tiền là 2.160.000<sup>d</sup> (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó, G tự mình mua 01 số lô, 05 số ba càng với tổng số tiền là 640.000<sup>d</sup> (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); mua hộ cho Văn Đình C 02 số ba càng, 02 số đề, 01 xiên 4 với tổng số tiền 270.000<sup>d</sup> (hai trăm bảy mươi nghìn đồng); mua hộ cho Nguyễn Phúc H 01 xiên 3, 03 số lô với tổng số tiền là 1.250.000<sup>d</sup> (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tiếp đến, hồi 18<sup>h00</sup>” cùng ngày, Trần Thị T đã đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi bán số lô, số đề trái phép của mình vào các ngày 07/8/2020 và 08/8/2020 cho Mai Quang M và Vũ Trường G như đã nêu ở trên. Sau khi bán được cho khách, Tâm chuyển toàn bộ bảng qua tin nhắn Zalo cho Nguyễn Thị L1.

Biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đã bị phát hiện, khoảng 19<sup>h30</sup>” cùng ngày, Nguyễn Thị L1 đã ra đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi nhận bảng tổng hợp số lô, số đề của Trần Thị T vào các ngày 07/8/2020 và 08/8/2020. Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị L1 khai nhận còn thực hiện hành vi tương tự như trên vào các ngày cụ thể như sau:

- Ngày 01/8/2020, Nguyễn Thị L1 bán 02 số lô 19, 91 (mỗi số 500 điểm) với tổng số tiền là 21.800.000<sup>d</sup> (hai một triệu tám trăm nghìn đồng) cho một người khách qua đường (Lan không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể). Sau đó, Nguyễn Thị L1 chuyển toàn bộ 1000 điểm lô nêu trên qua tin nhắn Zalo cho Vũ Thị L2.

- Ngày 16/8/2020, Nguyễn Thị L1 nhận bảng tổng hợp của những đối tượng:

+ Nguyễn Tuấn A: Bảng tổng hợp số lô, số đề của Tuấn A vào ngày 16/8/2020 gồm có 122 số đề, 29 số lô, 01 xiên 3 và 01 số ba càng với tổng số tiền là 13.914.000<sup>d</sup> (mười ba triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng).

+ Lê Thị T: Bảng tổng hợp số lô, số đề của T vào ngày 16/8/2020 gồm có 65 số đề, 11 số lô với tổng số tiền là 5.005.000<sup>d</sup> (năm triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng).

+ Lê Thị Y: Bảng tổng hợp số lô, số đề của Y vào ngày 16/8/2020 gồm có 88 số đề, 55 số lô, 27 số ba càng với tổng số tiền là 21.087.000<sup>d</sup> (hai một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, Nguyễn Thị L1 còn bán cho khách qua đường. (L1 không nhớ được bao nhiêu người và tên tuổi địa chỉ cụ thể của ai). Ngày 16/8/2020, bảng tổng hợp số lô, số đề của Nguyễn Thị L1 gồm có 298 số đề, 104 số lô, 01 xiên 3, 31 số ba càng với tổng số tiền là 113.283.000<sup>d</sup> (một trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Sau khi nhận bảng tổng hợp và bán được cho khách qua đường vào các ngày 07/8/2020, 08/8/2020 và 16/8/2020, Nguyễn Thị L1 đều tổng hợp lại và chuyển toàn bộ qua tin nhắn Zalo cho một người phụ nữ tên là T, trú tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Đến ngày 17/8/2020, Lê Thị Y, Nguyễn Tuấn A, Vũ Thị L2 và Lê Thị T lần lượt đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã B để đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi chuyển, nhận bảng tổng hợp số lô, số đề của mình với Nguyễn Thị L1 như đã nêu ở trên. Đối với Lê Thị Y, Nguyễn Tuấn A và Lê Thị T đã thực hiện hành vi bán số lô, số đề cho khách qua đường (không cung cấp được tên tuổi, địa chỉ cụ thể) sau đó tổng hợp lại và gửi toàn bộ qua tin nhắn Zalo cho Nguyễn Thị L1. Đối với Vũ Thị L2, sau khi nhận số lô, số đề của Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2 khai báo đã chuyển trực tiếp cho một người phụ nữ tên là Dân ở khu phố 4, phường B, thị xã B.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã thu giữ những tang vật, tài sản sau đây:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng, số IMEI 353313075728832, đã cũ. Thu giữ của Mai Quang M.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, số IMEI 356561100719344, đã cũ. Thu giữ của Vũ Trường Gi.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu hồng, số IMEI 358607072771918, máy lắp sim số 0332566272, đã cũ. Thu giữ của Trần Thị T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy C9 pro màu trắng, số IMEI1 357160080748651, số IMEI2 357161080748659, đã cũ. Thu giữ của Nguyễn Thị Lan.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC 8X màu đen, số IMEI 353569053018369, đã cũ. Thu giữ của Vũ Thị L2.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu xám, số IMEI 359150078906252, máy lắp sim số 0945189568, đã cũ. Thu giữ của Lê Thị Y.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, số IMEI1 356765101279832, số IMEI2 356765101279840, đã cũ. Thu giữ của Lê Thị T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng, số IMEI 355877067292898, máy lắp sim số 0332516684, đã cũ. Thu giữ của Nguyễn Tuấn A.

Ngay sau khi các đối tượng đầu thú, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị L1, Trần Thị T, Vũ Thị L2, Lê Thị Y, Lê Thị T và Nguyễn Tuấn A. Tuy nhiên không phát hiện và thu giữ thêm được vật chứng nào khác.

\* Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận cách thức mua bán và cách tính thắng thua được thống nhất thỏa thuận như sau:

- Cách thức mua bán: Trần Thị T sử dụng tài khoản Zalo “Hoa Bì Ngạn”, Lê Thị Y sử dụng tài khoản Zalo “Ngọc Yên”, Nguyễn Tuấn A sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn Tuấn Anh”, Lê Thị T sử dụng tài khoản Zalo “Phương Thoa”. T, Y, Tuấn A và T bán số lô, số đề cho khách trực tiếp đến mua hoặc liên lạc qua điện thoại. Sau khi người mua chọn số và thanh toán tiền thì các bị cáo ghi vào bảng tổng hợp của mình rồi chụp ảnh gửi qua tin nhắn Zalo đến tài khoản “Nhà bao việc” của Nguyễn Thị L. Nguyễn Thị L1 nhận được bảng tổng hợp của T, Y, T, Tuấn A và bán cho khách đi đường sau đó tổng hợp lại một lần nữa rồi chuyển qua tin nhắn Zalo đến tài khoản nhóm “Cty” của người phụ nữ tên là T. Nếu khách trúng thưởng thì Nguyễn Thị L sẽ nhận tiền từ người phụ nữ tên là T này rồi chuyển lại cho T, Y, T, Tuấn A để thanh toán tiền cho khách.

- Cách tính thắng thua:

+ Đối với số đề: Người mua có thể chọn một số bất kỳ từ 00 đến 99 và đặt tiền cược của mình. Căn cứ vào kết quả mở thưởng lúc 18<sup>h</sup>15” hàng ngày của Sổ xổ kiến thiết miền Bắc thì so sánh với hai số cuối của giải đặc biệt. Nếu khách trúng thì phải trả cho khách gấp 70 lần số tiền khách đã đặt.

+ Đối với số lô: Người mua có thể chọn một số bất kỳ từ 00 đến 99 và đặt tiền cược của mình. Theo thỏa thuận 01 điểm lô các bị cáo bán cho khách mua có thể dao động từ 22.500<sup>d</sup> đến 23.000<sup>d</sup>. Căn cứ vào kết quả mở thưởng lúc 18<sup>h</sup>15” hàng ngày của Sổ xổ kiến thiết miền Bắc thì so sánh với hai số cuối của 27 số từ giải đặc biệt đến giải

bảy. Nếu khách trúng thì phải trả cho khách 80.000<sup>d</sup>/01 điểm (trường hợp có 02 cặp số trùng nhau thì phải trả gấp hai, 03 cặp số trùng nhau thì trả gấp ba...).

+ Đối với số lô xiên (xiên 2, xiên 3, xiên 4): Người mua có thể chọn 02, 03 hoặc 04 cặp số bất kỳ từ 00 đến 99 và đặt tiền cược của mình. Sau khi có kết quả mở thưởng lúc 18<sup>h</sup>15” hàng ngày của Sổ xổ kiến thiết miền Bắc thì so sánh với hai số cuối của 27 số từ giải đặc biệt đến giải bảy. Nếu khách trúng xiên 2 thì phải trả cho khách gấp 12 lần số tiền khách đã đặt, tương tự với xiên 3 là 45 lần và xiên 4 là 150 lần.

+ Đối với ba càng: Người mua có thể chọn một số bất kỳ từ 100 đến 999 và đặt tiền cược của mình. Căn cứ vào kết quả mở thưởng lúc 18<sup>h</sup>15” hàng ngày của Sổ xổ kiến thiết miền Bắc thì so sánh với ba số cuối của giải đặc biệt. Nếu khách trúng thì phải trả cho khách 400 lần số tiền khách đã đặt.

\* Từ những chứng cứ và tài liệu đã thu thập được, xác định:

- Ngày 01/8/2020, Nguyễn Thị L1 bán 02 số lô 19, 91 (mỗi số 500 điểm) với tổng số tiền là 21.800.000<sup>d</sup> (hai một triệu tám trăm nghìn đồng) rồi chuyển toàn bộ 1000 điểm lô nêu trên với giá 22.000<sup>d</sup>/1 điểm cho Vũ Thị L2. Sau đó, Vũ Thị L2 lại chuyển cho một người phụ nữ tên là D với giá 21.800<sup>d</sup>/1 điểm. Căn cứ vào kết quả mở thưởng của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa cung cấp thì khách mua trúng được 500 điểm số lô 91 bằng 40.000.000<sup>d</sup>. Số tiền khách trúng thưởng Dân đã trả cho Vũ Thị L2, Vũ Thị L2 đưa lại cho Nguyễn Thị L1 để thanh toán cho khách. Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị L1 và Vũ Thị L2 đã tham gia đánh bạc là 62.000.000<sup>d</sup> (sáu mươi hai triệu đồng). Vũ Thị L2 được hưởng lợi 200.000<sup>d</sup> (hai trăm nghìn đồng), Nguyễn Thị L1 không được hưởng lợi trong lần tham gia đánh bạc này.

Đối với người phụ nữ tên là D theo nội dung khai báo của Vũ Thị L2, Cơ quan CSĐT đã triệu tập, đấu tranh với Hoàng Thị D, sinh ngày 26/11/1982, trú tại khu phố 4, phường B, thị xã B; đồng thời tiến hành đối chất giữa Hoàng Thị D và Vũ Thị L2. Tuy nhiên, D không thừa nhận việc đã nhận số lô của Vũ Thị L2. Mặt khác, việc chuyển, nhận số lô giữa hai người không có ai biết hay chứng kiến. Do đó, không có cơ sở để xử lý đối với Hoàng Thị D. Về phía khách đã mua số lô của Nguyễn Thị L1, bị cáo không cung cấp được thông tin cụ thể nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau nếu có căn cứ.

- Ngày 07/8/2020, Mai Quang M đã tự mình mua của Trần Thị T các số lô 37, 73, 23, 32 mỗi số 10 điểm; mua giúp cho Văn Đình C 600 điểm lô số 66 và Nguyễn Phúc H 20 điểm lô số 78. Tổng là 660 điểm lô với giá 23.000<sup>d</sup>/01 điểm lô, tương ứng với số tiền là 15.180.000<sup>d</sup> (mười lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng). Sau khi bán cho M 660 điểm lô nêu trên, Trần Thị T đã chuyển lại cho Nguyễn Thị L1 với giá

21.800<sup>d</sup>/1 điểm lô. Nguyễn Thị L1 tiếp tục chuyển cho người phụ nữ tên T với giá 21.700<sup>d</sup>/1 điểm lô. Kết quả không trúng số lô nào. Như vậy, số tiền Mai Quang M, Trần Thị T và Nguyễn Thị L1 đã tham gia đánh bạc là 15.180.000<sup>d</sup> (mười lăm triệu một trăm tám mươi nghìn đồng); số tiền Văn Đình C đã tham gia đánh bạc là 13.800.000<sup>d</sup> (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng); số tiền Nguyễn Phúc H đã tham gia đánh bạc là 460.000<sup>d</sup> (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Do số tiền mua số lô M, C, H chưa thanh toán nên Trần Thị T và Nguyễn Thị L1 chưa được hưởng lợi từ lần đánh bạc này.

Do Mai Quang M vào thời điểm phạm tội chưa đủ 16 tuổi; Nguyễn Phúc H tham gia đánh bạc với số tiền là 460.000<sup>d</sup> (bốn trăm sáu mươi nghìn đồng), và bản thân Hoàng chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hay gá bạc nên cả hai không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và truy thu số tiền đánh bạc của Mai Quang M và Nguyễn Phúc H.

- Ngày 08/8/2020, Vũ Trường G mua của Trần Thị T 02 số đề, 01 xiên 3, 01 xiên 4, 07 số ba càng, 04 số lô với tổng số tiền là 2.160.000<sup>d</sup> (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó, G tự mình mua 01 số lô, 05 số ba càng với tổng số tiền là 640.000<sup>d</sup> (sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); mua hộ cho Văn Đình C 02 số ba càng, 02 số đề, 01 xiên 4 với tổng số tiền 270.000<sup>d</sup> (hai trăm bảy mươi nghìn đồng); mua hộ cho Nguyễn Phúc H 01 xiên 3, 03 số lô với tổng số tiền là 1.250.000<sup>d</sup> (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Trần Thị T đã chuyển toàn bộ bảng lô đề cho Nguyễn Thị L1 với tổng số tiền là 1.979.000<sup>d</sup> (một triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Sau đó, Nguyễn Thị L1 tiếp tục chuyển cho người phụ nữ tên T với tổng số tiền là 1.936.000<sup>d</sup> (một triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Căn cứ vào kết quả mở thưởng của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa cung cấp thì Nguyễn Phúc H trúng được 20 điểm lô số 75 và 10 điểm lô số 72 bằng 2.400.000<sup>d</sup> (hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền Vũ Trường G, Trần Thị T và Nguyễn Thị L đã tham gia đánh bạc là 4.560.000<sup>d</sup> (bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng); tổng số tiền Nguyễn Phúc H đã tham gia đánh bạc là 3.650.000<sup>d</sup> (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)

Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã tiến hành đấu tranh đồng thời cho Vũ Trường G đối chất với Văn Đình C. Tuy nhiên, C không thừa nhận việc đã nhờ G mua hộ số lô đề, mặt khác không có ai biết hoặc chứng kiến. Do đó, không có cơ sở để xử lý đối với Văn Đình C.

Do tổng số tiền Vũ Trường G, Nguyễn Phúc H, Trần Thị T và Nguyễn Thị L1 tham gia đánh bạc dưới 5.000.000<sup>d</sup> (năm triệu đồng); đồng thời bản thân G, H, T và Lan



đều không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hay gá bạc nên hành vi đánh bạc lần này không cấu thành tội phạm. Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính và truy thu số tiền hưởng lợi của các đối tượng nêu trên.

- Ngày 16/8/2020:

+ Bảng tổng hợp số lô, số đề của Nguyễn Tuấn A vào ngày 16/8/2020 gồm có 122 số đề, 29 số lô, 01 xiên 3 và 01 số ba càng với tổng số tiền là 13.914.000<sup>d</sup> (mười ba triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng). Sau khi trừ hoa hồng, số tiền thực tế Tuấn A đã thu của khách là 12.974.000<sup>d</sup> (mười hai triệu chín trăm bảy mươi tư nghìn đồng). Nguyễn Tuấn A đã chuyển toàn bộ bảng cho Nguyễn Thị L1 với tổng số tiền là 12.030.000<sup>d</sup> (mười hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Căn cứ vào kết quả mở thưởng của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết T cung cấp thì bảng lô đề của Tuấn A trúng được 10.000<sup>d</sup> số đề 47 bằng 700.000<sup>d</sup> (bảy trăm nghìn đồng) và 109 điểm lô bằng 8.720.000<sup>d</sup> (tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Tuấn A đã tham gia đánh bạc là 23.334.000<sup>d</sup> (hai mươi ba triệu ba trăm ba mươi tư nghìn đồng). Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Tuấn A và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau.

+ Bảng tổng hợp số lô, số đề của Lê Thị T vào ngày 16/8/2020 gồm có 65 số đề, 11 số lô với tổng số tiền là 5.005.000<sup>d</sup> (năm triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng). Sau khi trừ hoa hồng, số tiền thực tế T đã thu của khách là 4.589.000<sup>d</sup> (bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng). Lê Thị T đã chuyển toàn bộ bảng cho Nguyễn Thị L1 với tổng số tiền là 4.352.000<sup>d</sup> (bốn triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng). Căn cứ vào kết quả mở thưởng của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết T cung cấp thì bảng lô đề của T trúng được 25 điểm lô bằng 2.000.000<sup>d</sup> (hai triệu đồng) và 10.000<sup>d</sup> số đề 47 bằng 700.000<sup>d</sup> (bảy trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền Lê Thị T đã tham gia đánh bạc là 7.705.000<sup>d</sup> (bảy triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng). Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng T và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau. Tuy nhiên T đã trả số tiền trúng thưởng 2.700.000<sup>d</sup> (hai triệu bảy trăm nghìn đồng cho khách).

+ Bảng tổng hợp số lô, số đề của Lê Thị Y vào ngày 16/8/2020 gồm có 88 số đề, 55 số lô, 27 số ba càng với tổng số tiền là 21.087.000<sup>d</sup> (hai một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Sau khi trừ hoa hồng, số tiền thực tế Y đã thu của khách là 20.251.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng). Lê Thị Y đã chuyển toàn bộ bảng cho Nguyễn Thị L1 với tổng số tiền là 19.407.000<sup>d</sup> (mười chín triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn đồng). Căn cứ vào kết quả mở thưởng của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết T cung cấp thì bảng lô đề của Y trúng được 145 điểm lô bằng

11.600.000<sup>d</sup> (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng) và 350.000<sup>d</sup> số đề 47 bằng 24.500.000<sup>d</sup> (hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền Lê Thị Y đã tham gia đánh bạc là 57.187.000<sup>d</sup> (năm mươi bảy triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Y và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau.

+ Bảng tổng hợp số lô, số đề của Nguyễn Thị L1 ngày 16/8/2020 gồm có 298 số đề, 104 số lô, 01 xiên 3, 31 số ba càng với tổng số tiền là 113.283.000<sup>d</sup> (một trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi ba nghìn đồng). Sau khi trừ hoa hồng, số tiền thực tế L1 đã thu của khách là 97.215.000<sup>d</sup> (trong đó có số tiền 35.789.000<sup>d</sup> Y, Tuấn A và T chưa thanh toán cho L1). Nguyễn Thị L1 đã chuyển toàn bộ bảng cho người phụ nữ tên là T. Căn cứ vào kết quả mở thưởng của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thanh Hóa cung cấp thì bảng lô đề của Nguyễn Thị L1 trúng được 589 điểm lô bằng 47.120.000<sup>d</sup> (bốn mươi bảy triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) và 370.000<sup>d</sup> số đề 47 bằng 25.900.000<sup>d</sup> (hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị L1 đã tham gia đánh bạc là 186.303.000<sup>d</sup> (một trăm tám mươi sáu triệu ba trăm linh ba nghìn đồng). Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Nguyễn Thị L1 và người phụ nữ tên T chưa thanh toán cho nhau.

Về phía khách đã mua số lô, đề của Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T, Lê Thị Y và Nguyễn Thị L1, các bị cáo không cung cấp được thông tin cụ thể nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã B sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau nếu có căn cứ.

Đối với người phụ nữ tên là T, Nguyễn Thị L khai báo người này trú tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. L1 liên lạc để thực hiện hành vi đánh bạc qua tài khoản Zalo “Cty” và số điện thoại 0964.638.318. Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã tiến hành kiểm tra, xác minh thông tin chủ thuê bao nêu trên tuy nhiên người này không hề có mối liên hệ nào liên quan đến vụ án. Mặt khác, tiến hành rà soát trên địa bàn huyện Yên Mô, tỉnh N không có đối tượng nghi vấn nào. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau nếu có căn cứ.

\* Về tang vật của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng, số IMEI 353313075728832, đã cũ thu giữ của Mai Quang M và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đen, số IMEI 356561100719344, đã cũ thu giữ của Vũ Trường G. Tại Cơ quan điều tra, hai đối tượng này khai nhận đã sử dụng 02 chiếc điện thoại này để liên lạc, nhắn tin mua số lô đề với bị can Trần Thị T. Tuy nhiên qua xác minh, Mai Quang M và Vũ Trường G đều chưa đủ 18 tuổi, không có thu nhập và tài sản riêng nào; 02 chiếc điện thoại nêu trên là tài sản hợp pháp của gia đình cho M và G mượn để thuận

tiện cho việc liên lạc. Việc M và G sử dụng điện thoại để thực hiện hành vi mua số lô, số đề gia đình không hề hay biết. Do đó, ngày 25/02/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã B đã trả lại 02 chiếc điện thoại nêu trên cho ông Mai Hùng M (bố đẻ của M) và bà Nguyễn Thị K (mẹ đẻ của G).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu hồng, số IMEI 358607072771918, máy lắp sim số 0332566272, đã cũ thu giữ của Trần Thị T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy C9 pro màu trắng, số IMEI1 357160080748651, số IMEI2 357161080748659, đã cũ thu giữ của Nguyễn Thị L1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC 8X màu đen, số IMEI 353569053018369, đã cũ thu giữ của Vũ Thị L2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu xám, số IMEI 359150078906252, máy lắp sim số 0945189568, đã cũ thu giữ của Lê Thị Y; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, số IMEI1 356765101279832, số IMEI2 356765101279840, đã cũ thu giữ của Lê Thị T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng, số IMEI 355877067292898, máy lắp sim số 0332516684, đã cũ thu giữ của Nguyễn Tuấn A đều là công cụ, phương tiện để các bị can liên lạc, nhắn tin thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B để bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSBS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Birm Sơn truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2, Lê Thị Y, Trần Thị T, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T và Văn Đình C đã phạm vào tội “*Đánh bạc*”. Tội phạm và hình phạt đối với hành vi của Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2, Lê Thị Y quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tội phạm và hình phạt đối với hành vi của Trần Thị T, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T và Văn Đình C quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử

*a) Về trách nhiệm hình sự:*

\* Hình phạt chính:

- Đề nghị HĐXX tuyên các bị cáo Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2 và Lê Thị Y phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

+ Áp dụng b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 BLHS, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị L1 từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Áp dụng b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS, tuyên phạt bị cáo Lê Thị Y từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù.

+ Áp dụng b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54, Điều 58 BLHS, tuyên phạt bị cáo Vũ Thị L2 từ 18 đến 21 tháng tù.

- Đề nghị HĐXX tuyên các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T và Văn Đình C phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 BLHS, tuyên phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS, tuyên phạt bị cáo Trần Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 58 BLHS, tuyên phạt bị cáo Lê Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo theo quy định của pháp luật.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58; Điều 100 BLHS, tuyên phạt bị cáo Văn Đình C từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập do bị cáo là người dưới 18 tuổi.

\* Hình phạt bổ sung:

Bị cáo Văn Đình C là người dưới 18 tuổi, các bị cáo còn lại không có công việc làm ổn định, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS.

b) *Xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS,

- Số tiền thực tế Nguyễn Thị L1 thu của khách trong lần đánh bạc ngày 16/8/2020 là 97.215.000<sup>d</sup> (trong đó có số tiền 35.789.000<sup>d</sup> Yên, Tuấn A và T chưa thanh toán cho L1). Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Nguyễn Thị L1 và người phụ nữ tên T chưa thanh toán cho nhau. Do đó, đề nghị truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 61.426.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Nguyễn Thị L1.

- Số tiền thực tế Lê Thị Y thu của khách trong lần đánh bạc ngày 16/8/2020 là 20.251.000<sup>d</sup>. Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Lê Thị Y và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau. Do đó, đề nghị truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 20.251.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Lê Thị Y.

- Số tiền hưởng lợi do thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 01/8/2020 của bị cáo Vũ Thị L2 là 200.000<sup>d</sup>. Do đó, đề nghị truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 200.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Vũ Thị L2.

- Số tiền thực tế Nguyễn Tuấn A thu của khách trong lần đánh bạc ngày 16/8/2020 là 12.974.000<sup>d</sup>. Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Nguyễn

Tuấn A và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau. Do đó, đề nghị truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 12.974.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A.

- Số tiền thực tế Lê Thị T thu của khách trong lần đánh bạc ngày 16/8/2020 là 4.589.000<sup>d</sup> (bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng). Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Lê Thị T và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau. Tuy nhiên T đã trả số tiền trúng thưởng 2.700.000<sup>d</sup> cho khách. Do đó, đề nghị truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.889.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Lê Thị T.

- Văn Đình C thực tế chưa thanh toán số tiền mua trái phép số lô, số đề của Trần Thị T vào ngày 07/8/2020. Do đó, đề nghị truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 13.800.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Văn Đình C.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu hồng, số IMEI 358607072771918, máy lắp sim số 0332566272, đã cũ thu giữ của Trần Thị T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy C9 pro màu trắng, số IMEI1 357160080748651, số IMEI2 357161080748659, đã cũ thu giữ của Nguyễn Thị L1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC 8X màu đen, số IMEI 353569053018369, đã cũ thu giữ của Vũ Thị L2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu xám, số IMEI 359150078906252, máy lắp sim số 0945189568, đã cũ thu giữ của Lê Thị Y; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, số IMEI1 356765101279832, số IMEI2 356765101279840, đã cũ thu giữ của Lê Thị T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng, số IMEI 355877067292898, máy lắp sim số 0332516684, đã cũ thu giữ của Nguyễn Tuấn A đều là công cụ, phương tiện để các bị can liên lạc, nhắn tin thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề. Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

c/ *Án phí HSST*: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

*Căn cứ vào chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và các bị cáo;*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng của

Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt. Các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa. Trong quá trình điều tra đã đầy đủ lời khai của người làm chứng, việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với đơn xin đầu thú, tự thú, phù hợp với biên bản kiểm tra điện thoại, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01/8/2020, Nguyễn Thị L1 và Vũ Thị L2 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 62.000.000<sup>d</sup>.

Ngày 07/8/2020, Trần Thị T và Nguyễn Thị L1 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 15.180.000<sup>d</sup>. Văn Đình C đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua số lô, số đề với tổng số tiền là 13.800.000<sup>d</sup>.

Ngày 16/8/2020, Nguyễn Tuấn A đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 23.334.000<sup>d</sup>; Lê Thị T đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 7.705.000<sup>d</sup>; Lê Thị Y đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 57.187.000<sup>d</sup>; Nguyễn Thị L1 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền là 186.303.000<sup>d</sup>.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2, Lê Thị Y đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định xử lý tại điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Tuấn A, Trần Thị T, Lê Thị T, Văn Đình C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định xử lý tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự công cộng là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Hiện nay các tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy, lô đề, cờ bạc đang là vấn đề hết sức nhức nhối cho xã hội đòi hỏi mỗi người công dân phải nêu cao tinh thần tự giác đấu

tranh cùng với Nhà nước loại trừ tệ nạn trên. Chính mỗi tệ nạn là tiền đề cho tệ nạn khác phát triển và là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm. Các bị cáo chỉ vì hám lợi đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm trật tự công cộng còn gây dư luận xấu và ảnh hưởng không tốt đến quần chúng nhân dân trên địa bàn. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

**Tình tiết tăng nặng TNHS:** Bị cáo Nguyễn Thị L1 có vai trò chính, thực hiện 03 lần hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền tham gia đánh bạc mỗi ngày lớn nhất so với các bị cáo còn lại nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

**Tình tiết giảm nhẹ TNHS:** Các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T và Văn Đình C “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Văn Đình C đã tự thú, các bị cáo Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2, Lê Thị Y, Trần Thị T, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T đều ra đầu thú. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Nguyễn Thị L1 có ông bà nội từng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo Vũ Thị L2 có mẹ đẻ từng tham gia kháng chiến chồng Mỹ cứu nước, và trong quá trình điều tra bị cáo Vũ Thị L2 đã từng tích cực hợp tác, cung cấp thông tin có giá trị giúp cơ quan cảnh sát điều tra trong việc phát hiện tội phạm. Do đó, bị cáo Vũ Thị L2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Bộ luật hình sự. Bị cáo Văn Đình C được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS, Các bị cáo Nguyễn Thị L1, Lê Thị Y, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T, Trần Thị T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Xét tính chất đồng phạm và nhân thân của các bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị L1 có vai trò chính, thực hiện 03 lần hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi số lô, số đề với tổng số tiền tham gia đánh bạc lớn nhất so với các bị cáo còn lại. Bị cáo Vũ Thị L2, Lê Thị Y có vai trò thứ hai ngang nhau. Về nhân thân, bị cáo Nguyễn Thị L1 đã từng 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, bị cáo Vũ Thị L2 đã từng 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc trái phép, bị cáo Lê Thị Y đã từng 01 bị xét xử về tội “ Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Nguyễn Tuấn A đang có 01 tiền sự về hành

vi đánh bạc trái phép, chưa được xóa tiền sự lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo phải xử lý nghiêm minh, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo nhận thức rõ được lỗi lầm của mình, có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo T, T và C đều có nhân thân tốt. Bị cáo T và T trực tiếp bán số lô, đề rồi chuyển bảng cho Nguyễn Thị L1 để hưởng hoa hồng, tổng bảng lô đề với số tiền dưới 50 triệu đồng nên giữ vai trò thấp hơn các bị cáo Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2, Lê Thị Y và Nguyễn Tuấn A. Bị cáo C là người chưa đủ 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng nên giữ vai trò thấp nhất. HĐXX xét thấy, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của các bị cáo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo Tâm, Thoa, C ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Hình phạt bổ sung:

Bị cáo Văn Đình C là người dưới 18 tuổi, các bị cáo còn lại không có công việc ổn định, điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo.

\* Về xử lý vật chứng: Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 46, Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Số tiền thực tế Nguyễn Thị L1 thu của khách trong lần đánh bạc ngày 16/8/2020 là 97.215.000<sup>d</sup> (trong đó có số tiền 35.789.000<sup>d</sup> Y, Tuấn A và T chưa thanh toán cho L1). Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Nguyễn Thị L1 và người phụ nữ tên T chưa thanh toán cho nhau. Do đó, truy thu số tiền 61.426.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Nguyễn Thị L1 để nộp sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền thực tế Lê Thị Y thu của khách trong lần đánh bạc ngày 16/8/2020 là 20.251.000<sup>d</sup> (hai mươi triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng). Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Lê Thị Y và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau. Do đó, truy thu số tiền 20.251.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Lê Thị Y để nộp sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền hưởng lợi do thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 01/8/2020 của bị cáo Vũ Thị L1 là 200.000<sup>d</sup> Do đó, truy thu số tiền 200.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Vũ Thị L1 để nộp sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền thực tế Nguyễn Tuấn A thu của khách trong lần đánh bạc ngày 16/8/2020 là 12.974.000<sup>d</sup> . Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Nguyễn



Tuấn A và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau. Do đó, truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 12.974.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A để nộp sung công quỹ Nhà nước.

- Số tiền thực tế Lê Thị T thu của khách trong lần đánh bạc ngày 16/8/2020 là 4.589.000<sup>d</sup>. Số tiền chuyển bảng và tiền khách trúng thưởng Lê Thị T và Nguyễn Thị L1 chưa thanh toán cho nhau. Tuy nhiên, T đã trả số tiền trúng thưởng 2.700.000<sup>d</sup> cho khách. Do đó, truy thu số tiền 1.889.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Lê Thị T để nộp sung công quỹ Nhà nước.

- Văn Đình C thực tế chưa thanh toán số tiền mua trái phép số lô, số đề của Trần Thị T vào ngày 07/8/2020. Do đó, truy thu số tiền 13.800.000<sup>d</sup> đối với bị cáo Văn Đình C để nộp sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu hồng, số IMEI 358607072771918, máy lắp sim số 0332566272, đã cũ thu giữ của Trần Thị T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy C9 pro màu trắng, số IMEI1 357160080748651, số IMEI2 357161080748659, đã cũ thu giữ của Nguyễn Thị L1; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC 8X màu đen, số IMEI 353569053018369, đã cũ thu giữ của Vũ Thị L2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu xám, số IMEI 359150078906252, máy lắp sim số 0945189568, đã cũ thu giữ của Lê Thị Y; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, số IMEI1 356765101279832, số IMEI2 356765101279840, đã cũ thu giữ của Lê Thị T và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng, số IMEI 355877067292898, máy lắp sim số 0332516684, đã cũ thu giữ của Nguyễn Tuấn A đều là công cụ, phương tiện để các bị can liên lạc, nhắn tin thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

\* Án phí HSST các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*1. Tuyên bố:* Các bị cáo Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2, Lê Thị Y, Trần Thị T, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T và Văn Đình C phạm tội "Đánh bạc"

\* **Căn cứ:** Điểm b khoản 2 Điều 321, khoản 1 Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự (Đối với Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2, Lê Thị Y (điểm t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Vũ Thị L2, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Thị L1)

**- Xử phạt:**

+ **Nguyễn Thị L1** 39( Ba chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi 25 ngày tạm giữ, tạm giam.

+ **Vũ Thị L2** 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

+ **Lê Thị Y** 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

\* **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 17, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự( Đối với Nguyễn Tuấn A)

- **Xử phạt: Nguyễn Tuấn A** 06(Sáu)tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

\* **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 17, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự (Đối với Trần Thị T)

- **Xử phạt: Trần Thị T** 06 ( Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/5/2021).

Giao Trần Thị Tâm cho UBND phường P, thị xã B, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

\* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 321, khoản 1 Điều 17, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36; Điều 58 BLHS( Đối với Lê Thị T),

- **Xử phạt:**

+ **Lê Thị T** 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy Ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh T nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án hình phạt.

Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy Ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo T bằng 10% mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước (1.490.000 đồng) để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Mỗi tháng = 149.000 đồng. Bị cáo bị khấu trừ 12 tháng, tổng cộng số

tiền bị khấu trừ (149.000đ/1 tháng x 12 tháng) = 1.788.000đ( Một triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn đồng).

\* **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 321, Khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 17, Điểm i, r, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 58, Điều 100 Bộ luật hình sự( Đối với Văn Đình C)

- **Xử phạt: Văn Đình C** 06( sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập do bị cáo là người dưới 18 tuổi.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy Ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh T nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án hình phạt.

Giao bị cáo Văn Đình C cho Ủy Ban nhân dân phường B, thị xã B, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

## *2. Hình phạt bổ sung:*

*Về xử lý vật chứng:* Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 46, Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, cụ thể:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 61.426.000đ( Sáu mươi một triệu, bốn trăm hai mươi sáu ngàn đồng) của Nguyễn Thị L1;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 20.251.000đ( Hai mươi triệu, hai trăm năm mươi một ngàn đồng) của Lê Thị Y

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ( Hai trăm ngàn đồng) của Vũ Thị L2,

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 12.974.000đ( Mười hai triệu, chín trăm bảy mươi tư ngàn đồng) của Nguyễn Tuấn A

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền, 1.889.000đ( Một triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn đồng) của Lê Thị T

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 13.800.000đ( Mười ba triệu, tám trăm ngàn đồng) của Văn Đình C.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus màu hồng, số IMEI 358607072771918, máy lắp sim số 0332566272, đã cũ thu giữ của Trần Thị T;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy C9 pro màu trắng, số IMEI1 357160080748651, số IMEI2 357161080748659, đã cũ thu giữ của Nguyễn Thị L1;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC 8X màu đen, số IMEI 353569053018369, đã cũ thu giữ của Vũ Thị L2;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu xám, số IMEI 359150078906252, máy lắp sim số 0945189568, đã cũ thu giữ của Lê Thị Y;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart màu đen, số IMEI1 356765101279832, số IMEI2 356765101279840 đã cũ thu giữ của Lê Thị T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu vàng, số IMEI 355877067292898, máy lắp sim số 0332516684 đã cũ thu giữ của Nguyễn Tuấn A.

***(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 17/3/2021 giữa Cơ quan Công an và Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B).***

3. ***Án phí:*** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo buộc các bị cáo Nguyễn Thị L1, Vũ Thị L2, Lê Thị Y, Trần Thị T, Nguyễn Tuấn A, Lê Thị T, Văn Đình Cg mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. ***Về quyền kháng cáo:*** Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị cáo Văn Đình C, Các bị cáo và người đại diện theo pháp luật của bị cáo Văn Đình C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm( 17/5/2021).

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND Thị xã B;

- VKS nhân dân tỉnh T

- Bị cáo

- Phòng giám đốc án;

- THA Dân sự TX B ;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TỔNG THỊ HÀ**

